

Bản án số: 574/2024/HS-ST

Ngày: 11/12/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Thẩm phán: Ông Phan Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Lang

2. Ông Trần Huỳnh

3. Ông Trương Lâm Danh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 833/TLST-HS ngày 23/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6027/2024/QĐXXST-HS ngày 19/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Đình T; Sinh ngày 29 tháng 12 năm 1984, tại: tỉnh QN; nơi cư trú: Thôn Liêm T, xã Phước T, huyện T, tỉnh BĐ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH I; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T và bà Trương Thị B; có vợ là Lê Thị Ngọc Tr và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giam từ ngày 14/3/2024 (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Trần Thị Ngân H, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Đình T (có mặt).

Bị hại: Công Đoàn cơ sở Công ty TNHH I

Địa chỉ trụ sở: Lô U40B-42A, đường 19, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Anh T – Chủ tịch Công Đoàn cơ sở Công ty TNHH I (có mặt).

Địa chỉ: Chung cư P, xã Phú X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Trần Thị Phương T5, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4 Đào T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Đặng Thị Ánh T4, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Chung cư P, xã Phú X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Huỳnh Thị Kim T3, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: 13 Tổ 11, Ấp 1, xã Phú X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Nguyễn Thị Hiền N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ 14 Chung cư H, số 6 H, phường PM, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Công ty TNHH I

Địa chỉ trụ sở: Lô U40, đường 19, KCX Tân T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: 59 Thạnh L, Thạnh Đ, Tân H, KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH I được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 165/GP-KCX-HCM ngày 29/11/2001 của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302469623 ngày 04/7/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở đặt tại: Lô U40, đường 19, KCX Tân T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/7/2007, Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 164/QĐ-BTV về việc thành lập Công đoàn cơ sở và chỉ định Ban chấp hành lâm thời Công đoàn cơ sở Công ty TNHH I. Ngày 04/03/2010, Công ty TNHH I ký hợp đồng lao động với Phạm Đình T. Nhiệm kỳ Ban chấp hành Công đoàn năm 2017-2022, Phạm Đình T được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn, theo quy định của Công đoàn thì sau khi bầu Ban chấp hành Công đoàn thì sẽ bầu ra Kế toán và Thủ quỹ Công đoàn, nhưng thực tế do tính chất công việc, một số thành viên Ban chấp hành Công đoàn không muốn làm Kế toán và Thủ quỹ của Công đoàn nên Tkiêm nhiệm Kế toán và Thủ quỹ của Công đoàn, Trlà người giữ tiền mặt và quản lý tài khoản ngân hàng của Công đoàn Công ty TNHH I.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch kiêm Kế toán và Thủ quỹ của Công đoàn Công ty TNHH I, Phạm Đình T sử dụng một phần tiền quỹ Công đoàn vào

các hoạt động của Công đoàn Công ty TNHH I và phần còn lại chuyển vào các tài khoản cá nhân của T nhằm chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tháng 5/2022, sau khi Phạm Đình T tự ý nghỉ việc, bà Đặng Thị Ánh T4 – Phó chủ tịch Công đoàn phát hiện số tiền trong tài khoản của Công đoàn Công ty TNHH I số 00181003351192 mở tại Ngân hàng V– CN Nam SG chỉ còn 3.311.866 đồng, tiền mặt không còn. Bà T4 liên hệ với Công đoàn cấp trên khu chế xuất Tân T, được biết T chưa đóng tiền kinh phí từ tháng 1/2020 đến tháng 6/2021 về Công đoàn cơ sở cấp trên số tiền 694.953.904 đồng; chưa đóng tiền đoàn phí 7/2019 đến tháng 4/2022 về Công đoàn cơ sở cấp trên số tiền 295.860.000 đồng. Nên bà Đặng Thị Ánh T đã đại diện Công đoàn công ty TNHH I làm đơn tố cáo Phạm Đình T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối chiếu tài liệu, chứng từ kể từ ngày 25/7/2019 đến ngày 25/5/2022, làm việc với Phạm Đình T và một số cá nhân liên quan, xác định:

- Số tiền quỹ Công đoàn Công ty TNHH I tồn trước ngày 25/7/2019, được xác định là 12.167.481 đồng. Số tiền quỹ Công đoàn Công ty TNHH I còn lại sau ngày 25/5/2022 là 3.311.866 đồng.

- Tiền quỹ Công đoàn Công ty TNHH I được hình thành từ nguồn kinh phí và đoàn phí thu từ Công ty TNHH I. Công ty I chuyển tiền kinh phí vào tài khoản số 00181003351192 của Công đoàn Công ty TNHH I số tiền 3.656.255.177 đồng; Công đoàn thu tiền đoàn phí số tiền 739.650.000 đồng tại bộ phận Kế toán của Công ty TNHH I (tiền mặt, có ký nhận phiếu thu). Tổng số tiền đã nhập vào quỹ Công đoàn Công ty I từ ngày 25/7/2019 đến ngày 25/5/2022 là 4.395.905.177 đồng.

- Tổng số tiền Phạm Đình T đã chi tiêu ngày 25/7/2019 đến ngày 25/5/2022 cho các hoạt động của Công đoàn như: Đóng kinh phí, đoàn phí cho Công đoàn cấp trên, chi thực hiện các hoạt động cho đoàn viên, ... là 2.441.230.752 đồng. Số tiền còn lại trong quỹ Công đoàn bị Phạm Đình T chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân, trong đó Phạm Đình T nhiều lần chuyển tổng số tiền 1.961.088.400 đồng từ tài khoản ngân hàng của Công đoàn Công ty TNHH I vào các tài khoản ngân hàng đứng tên Phạm Đình T và T chiếm đoạt là 2.647.400 đồng tiền mặt.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Đình T chiếm đoạt của Công đoàn Công ty số tiền 1.963.530.040 đồng (số tiền 990.815.904 đồng là tiền kinh phí và đoàn phí phải nộp về công đoàn cấp trên, số tiền 972.714.136 đồng là tiền quỹ của Công đoàn).

Kết quả ghi lời khai bị can và các cá nhân liên quan:

- Phạm Đình T, Nguyên Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH I đã thừa nhận hành vi sai phạm như trên, đồng thời trình bày:

Sau khi Công đoàn Công ty TNHH I gửi đơn tố cáo sự việc trên đến Cơ quan điều tra, trong thời gian từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023, Phạm Đình T đã khắc phục cho Công đoàn Công ty TNHH I số tiền 991.000.000 đồng và ủy

quyền cho Công đoàn Công ty liên hệ Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh nhận số tiền bảo hiểm (tuy nhiên do chưa đến hạn nên Công đoàn Công ty chưa nhận được số tiền này).

Bị can Phạm Đình T xem lại các sao kê chi tiết tại Ngân hàng T, Ngân hàng B, bị can T cho biết đối với các cá nhân nhận tiền như trong sao kê chi tiết của Ngân hàng thì do trong giai đoạn còn làm việc tại Công đoàn Công ty, T có vay mượn tiền của những cá nhân đó nên những giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của T là trả tiền mượn cho các cá nhân đó.

- Ghi lời khai bà Trần Thị Phương T5, Kế toán Công đoàn nhiệm kỳ năm 2012 - 2017 khai: Trong nhiệm kỳ năm 2012 - 2017, ông T giữ chức vụ Chủ tịch công đoàn kiêm thủ quỹ, bà T5 giữ chức vụ kế toán công đoàn. Thời điểm bàn giao sổ sách tài chính nhiệm kỳ 2012 - 2017 cho BCH công đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2022, bà T5 bàn giao sổ sách trực tiếp cho ông T, trong đó thể hiện tiền mặt còn 35.069.200 đồng, tiền trong tài khoản ngân hàng còn 2.408.803 đồng (thể hiện trong Biên bản không ghi ngày tháng, năm 2017).

- Công đoàn cơ sở Công ty TNHH I xác định trước thời điểm 25/7/2019, tiền Quỹ Công đoàn có 12.167.481 đồng trong tài khoản. Đối với số tiền mặt, không có cơ sở để xác định, nên không có cơ sở đề tố cáo.

- Ghi lời khai các cá nhân gồm: Ông Oh Young C, Đại diện pháp luật Công ty TNHH I; bà Đặng Thị Ánh T4, bà Huỳnh Thị Kim T3, Đại diện ban chấp hành Công đoàn; bà Nguyễn Thị Hiền N, Kế toán Công ty TNHH I, kết quả khai nhận phù hợp nội dung sự việc như trên, xác định số tiền Phạm Đình T chiếm đoạt của Công ty TNHH I số tiền 1.963.530.040 đồng và khắc phục số tiền 991.000.000 đồng.

Kết quả làm việc với Đại diện Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, được biết:

Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận số tiền 990.815.904 đồng từ Công đoàn Công ty TNHH I, là số tiền tiền kinh phí từ 01/2020 đến tháng 6/2021 và đoàn phí từ 7/2019 đến tháng 4/2022.

Xác minh tài khoản ngân hàng:

- Ngày 24/5/2013, Phạm Đình T đăng ký mở tài khoản của Công đoàn Công ty I số 00181003351xxx tại Ngân hàng V- CN Nam SG. Tài khoản trên chỉ đăng ký một chữ ký của Phạm Đình T, chủ tài khoản là chủ tịch Công đoàn Công ty I.

- Tài khoản số 0181002001xxx đứng tên Phạm Đình T mở tại Ngân hàng V - CN Nam SG có nhận số tiền 1.163.400.000 đồng; tài khoản số 1903650695xxx đứng tên Phạm Đình T mở tại Ngân hàng T có nhận số tiền 488.000.000 đồng; tài khoản số 31910000093686 đứng tên Phạm Đình T mở tại Ngân hàng B có nhận số tiền 309.688.400 đồng từ tài khoản số 00181003351192 đứng tên Công đoàn Công ty TNHH I phù hợp với số tiền T đã chiếm đoạt của Công ty. Sau đó, T chuyển qua nhiều tài khoản khác để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Xác minh thông tin tài sản cá nhân Phạm Đình Tường:

- Xác minh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng đăng ký đất đai BD, Sở Tư pháp tỉnh BD, Trung tâm thông tin và Tư vấn công chứng kết quả: Hiện nay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh BD chưa có thông tin về tài sản do Phạm Đình T đứng tên chủ sở hữu.

- Xác minh tại Công ty Cổ phần chứng khoán V, được biết: Phạm Đình T sử dụng thông tin cá nhân (CMND số 211783xxx) để mở 01 tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty chứng khoán V, số tài khoản 026C067xxx. Hiện tại, tài khoản trên còn 7.024 đồng và V đã phong tỏa giao dịch đối với tài khoản trên.

Về kết quả trưng cầu giám định.

Ngày 20/12/2023, Phòng kỹ thuật hình sự có Kết luận giám định số 12682/KL-KTHS về kết quả giám định chữ ký của T trên 34 phiếu thu tiền đoàn phí thu tại bộ phận Kế toán của Công ty TNHH I, kết luận như sau: “*Chữ ký tại mục Thủ quỹ trên 34 phiếu thu so với chữ ký của Phạm Đình T là do cùng một người ký ra*”.

Vật chứng thu giữ: Không

Phân dân sự: Công đoàn Công ty TNHH I yêu cầu Phạm Đình T bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, đến nay Phạm Đình T đã bồi thường số tiền 991.000.000 đồng. Số tiền 972.530.040 đồng còn lại chưa bồi thường, Phạm Đình T có trách nhiệm tiếp tục bồi thường số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số 592/CT-VKS-P3 ngày 05/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Đình T về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Đình T đã thừa nhận các hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo, cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Đình T về tội “Tham ô tài sản”. Đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Đình T từ 17 đến 18 năm tù. Buộc bị cáo bồi thường cho Công đoàn Công ty TNHH I số tiền 972.530.040 đồng. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 1 đến 2 năm.

Luật sư Trần Thị Ngân Hà bào chữa cho bị cáo Phạm Đình T trình bày: Thống nhất tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Luật sư chỉ đề nghị xem xét điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo: Thời điểm bị cáo phạm tội do đầu tư làm ăn thua lỗ phải vay tiền với lãi suất cao bên ngoài dẫn đến mất khả

năng thanh toán, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nuôi mẹ già và 2 con nhỏ dẫn đến việc bị cáo phạm sai lầm và không có khả năng khắc phục tiền cho Công Đoàn công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo cũng như các đóng góp của bị cáo cho Công ty khi còn làm việc, đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt của các công nhân làm trong công ty cũng như phía đại diện công ty tại phiên tòa hôm nay để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo thống nhất với phần bào chữa của Luật sư, không tranh luận bổ sung.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đình T, Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu trên. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Phạm Đình T được bầu giữ chức vụ là Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH I nhiệm kỳ năm 2017-2022, được phân công kiêm nhiệm kế toán và thủ quỹ Công đoàn, trực tiếp quản lý và sử dụng tài khoản số 0018100335xxx đứng tên Công đoàn Công ty TNHH I và có trách nhiệm đóng tiền kinh phí và đoàn phí về Công đoàn cơ sở cấp trên. Trong thời gian làm Chủ tịch Công đoàn, Phạm Đình T đã lợi dụng chức vụ quyền hạn tự ý chuyển tiền từ tài khoản của Công đoàn sang tài khoản cá nhân của T mở tại nhiều ngân hàng khác và rút tiền mặt quỹ Công đoàn, chiếm đoạt tổng cộng số tiền là 1.963.530.040 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Với các hành vi như trên, xét đã có cơ sở để tuyên bố bị cáo Phạm Đình T phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ

luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của Phạm Đình T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công đoàn Công ty TNHH I, ảnh hưởng đến hoạt động công đoàn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người lao động Công ty TNHH I nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được đại diện Công Đoàn công ty xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Đình T phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo chỉ khắc phục hậu quả được một phần, số tiền chưa khắc phục hậu quả còn nhiều nên cần có mức án nghiêm khắc mới đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Công đoàn Công ty TNHH I yêu cầu Phạm Đình T bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, đến nay Phạm Đình T đã bồi thường số tiền 991.000.000 đồng. Số tiền 972.530.040 đồng còn lại chưa bồi thường, nên cần buộc bị cáo Phạm Đình T tiếp tục bồi thường số tiền trên.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Đình T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Tham ô tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2024.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Phạm Đình T tiếp tục bồi thường cho Công đoàn Công ty TNHH I số tiền 972.530.040 (chín trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ba mươi ngàn không trăm bốn mươi) đồng. Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 41.175.901 (Bốn mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm lẻ một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- Đương sự; (6)
- THAHS TP.HCM; (1)
- PV06-CA TP. HCM; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên